TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRI TÔN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/DS-ST
Ngày: 22-5-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hừng

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chế Thị Hồng Cẩm;
2. Bà Néang Sâm Bô.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Quới là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hoài Thanh, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 180/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2019 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng bảo lãnh và hợp đồng thế chấp tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2020/QĐST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần TP (tên viết tắt: HD Bank);

Địa chỉ: Số 25Bis Nguyễn Thị Minh Khai, phường BN, Quận T, thành phố C.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Huỳnh Nguyễn Bảo H, chức vụ: Giám đốc Trung tâm xử lý nợ (theo Quyết định ủy quyền số 272/2019/QĐ-TGĐ ngày 21/02/2019);

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Nguyễn Bảo H gồm:

Ông Lai Quốc H, chức vụ: Trưởng bộ phận giám sát nợ; địa chỉ: Số 519 Nguyễn Thị Định, phường CL, quận B, thành phố T (Theo Quyết định ủy quyền số 14/2019/UQ-HDB ngày 14/08/2019 và giấy ủy quyền số 71/2020/UQ-HDB ngày 11 tháng 3 năm 2020) (có mặt).

Ông Ngô Ngọc S, chức vụ: Chuyên viên quan hệ khách hàng cá nhân- Chi nhánh CT-PGD TT; địa chỉ: 262 QL 91, KV. LT1, phường TN, quận TN, thành phố CT (Theo giấy ủy quyền số 71/2020/UQ-HDB ngày 11 tháng 3 năm 2020) (vắng mặt).

2. Bị đơn:

- *Nguyễn Văn T, sinh năm 1987* (có mặt)*;*

- *Lê Thị M, sinh năm 1986* (có mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 01, ấp Tân Đức, xã TT, huyện TT, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH KG;

Địa chỉ: Số 61, ấp Đông Phước, xã TĐ, huyện TH, tỉnh KG.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Sơn H1, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH KG.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Huy B, sinh năm 1981, chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH KG (Theo giấy ủy quyền số 20/01/19/UQ/THKG ngày 20/01/2019) (xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 61, ấp Đông Phước, xã TĐ A, huyện TH, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn do ông Lai Quốc H đại diện trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển TP (tên viết tắt: HD Bank) (Sau đây viết tắt là Ngân hàng TMCP phát triển TP) với ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị M ký kết hợp đồng tín dụng số 0039/16/HĐTDTDH-CN/050 ngày 31/10/2016 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 0039/16/HĐTDTDH-CN/)050/PL-01, đến ngày 01/11/2016 giải ngân cho ông T, bà M vay số tiền 460.000.000 đồng với thời hạn 36 tháng, phương thức trả gốc 06 tháng/lần, trả lãi 03 tháng/lần, mục đích vay mua máy gặt đập liên hợp Yanmar AW82V, lãi suất vay trong hạn 14,5%/năm cố định trong 03 tháng và được điều chỉnh 03 tháng/lần. Để đảm bảo khoản vay, ông T, bà M ký kết với Ngân hàng hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị vận tải số 0039/16/HĐBĐ-SP/050 ngày 31/10/2016 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 0039/16/HĐBĐ-050/PL-01, tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm vào lúc 08 giờ 49 phút ngày 01/11/2016 và đăng ký thay đổi biện pháp giao dịch bảo đảm vào lúc 08 giờ 36 phút ngày 31/8/2017. Đồng thời, trong ngày 31/10/2016 Công ty trách nhiệm hữu hạn KG có ký văn bản cam kết đồng trả nợ khi ông T, bà M không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0039/16/HĐTDTDH-CN/050 ngày 31/10/2016.

Từ khi vay đến nay, ông T, bà M chỉ trả cho Ngân hàng được số tiền 322.084.811 đồng (gốc: 197.978.118 đồng, lãi 124.106.693 đồng), còn nợ số tiền tính đến ngày 22/5/2020 là 313.947.947 đồng (nợ gốc: 262.021.882 đồng; lãi trong hạn 16.080.576 đồng; lãi quá hạn 35.845.489 đồng).

Ngân hàng yêu cầu:

Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị M phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 22/5/2020 là 313.947.947 đồng (gồm nợ gốc: 262.021.882 đồng; lãi trong hạn 16.080.576 đồng; lãi quá hạn 35.845.489 đồng và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 0039/16/HĐTĐH-CN/050 ngày 31/10/2016 cho đến khi thanh toán xong.

Trường hợp ông T và bà M không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng yêu cầu Công ty TNHH KG thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay theo phạm vi bảo lãnh với số tiền tạm tính đến ngày 22/5/2020 là 313.947.947 đồng (nợ gốc: 262.021.882 đồng; lãi trong hạn 16.080.576 đồng; lãi quá hạn 35.845.489 đồng) và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 0039/16/HĐTĐH-CN/050 ngày 31/10/2016 cho đến khi thanh toán xong.

Trường hợp ông T, bà M và Công ty TNHH Thời Hưng KG không trả nợ, Ngân hàng HD Bank yêu cầu được quyền ưu tiên phát mãi tài sản thế chấp được mô tả theo Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị phương tiện vận tải số 0039/16/HĐBĐ-SP/050 ngày 31/10/2016 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng số 0039/16/HĐBĐ-050/PL-01 để thu hồi nợ, nếu tài sản không đủ thanh toán nợ, Ngân hàng yêu cầu được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị M, Công ty TNHH KG để thu hồi nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị M trình bày: Ngày 31/10/2016 vợ chồng ông, bà có ký hợp đồng tín dụng trung-dài hạn số 0039/16/HĐTDTDH-CN/050 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 0039/16/HĐTDTDH-CN/050/PL-01 vay số tiền 460.000.000 đồng với thời hạn 36 tháng, phương thức trả gốc 06 tháng/lần và lãi 03 tháng/lần, mục đích vay mua máy gặt đập liên hợp Yanmar AW82V, lãi suất vay trong hạn 14,5%/năm cố định trong 03 tháng và được điều chỉnh 03 tháng/lần; vợ chồng ông bà có ký kết hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị vận tải số 0039/16/HĐBĐ-SP/050 ngày 31/10/2016 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 0039/16/HĐBĐ-050/PL-01 tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm vào lúc 08 giờ 49 phút ngày 01/11/2016 và đăng ký thay đổi biện pháp giao dịch bảo đảm vào lúc 08 giờ 36 phút ngày 31/8/2017, được Ngân hàng giải ngân số tiền 460.000.000 đồng vào ngày 01/11/2016, vì điều kiện kinh tế khó khăn vợ chồng ông bà không có điều kiện trả vốn lãi đúng hạn và bị Ngân hàng khởi kiện, nay đồng ý trả số tiền 313.947.947 đồng (nợ gốc: 262.021.882 đồng; lãi trong hạn 16.080.576 đồng; lãi quá hạn 35.845.489 đồng) theo yêu cầu của Ngân hàng nhưng không có khả năng chi trả, đề nghị Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ vì không còn tài sản nào khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH KG do ông Đặng Huy B đại diện vắng mặt tại phiên tòa.

Tại bản tự khai ngày 24/12/2019 ông Đặng Huy Btrình bày:

Trước đây Công ty có bán 01 máy gặt đập liên hợp Yanmar AW82V cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị M và có giới thiệu cho ông T, bà M đến Ngân hàng HD Bank chi nhánh Cần Thơ để tiếp cận nguồn vốn vay mua máy và đồng thời có ký văn bản bảo lãnh cam kết đồng trả nợ ngày 31/10/2016 khi ông T, bà M không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0039/16/HĐTDTDH-CN/050 ngày 31/10/2016. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T, bà Mđã không trả lãi đúng thời hạn cho Ngân hàng và bị Ngân hàng khởi kiện, Công ty cũng đã nhiều lần hỗ trợ ông T, bà M đóng lãi đến nay vẫn chưa trả lại cho Công ty. Nay Công ty yêu cầu vợ chồng ông T, bà M phải có trách nhiệm trả số tiền còn nợ cho Ngân hàng, khi nào không còn tài sản để thanh lý trả

nợ và mất khả năng thanh toán thì Công ty mới đồng ý trả nợ theo nội dung cam kết đồng trả nợ đã ký kết ngày 31/10/2016.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 08/5/2020, ông Đặng Huy B thể hiện ý kiến: Xin giữ nguyên những nội dung đã trình bày tại Tòa án từ trước tới nay và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ khác, về nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị M phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, nếu không trả hết nợ thì nhờ cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp của ông T, bà M thanh toán cho Ngân hàng, khi thanh lý xong tài sản thì Công ty không còn nghĩa vụ bảo lãnh (lý do máy thế chấp đã được thanh lý).

Quá trình tố tụng, Tòa án đã nhiều lần tống đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ người đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm việc nhưng đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn cố tình vắng mặt, các đương sự có mặt đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án Căn cứ vào khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự xác định đây là vụ án dân sự không tiến hành hòa giải được và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu:

Về tố tụng: Quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ và chấp hành đúng trình tự quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đương sự nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là có căn cứ.

Về nội dung: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền đã vay theo Hợp đồng tín dụng số 0039/16/HĐTDTDH-CN/050 ngày 31/10/2016 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 0039/16/HĐTDTDH-CN/)050/PL-01 còn nợ lại là 313.947.947 đồng (nợ gốc: 262.021.882 đồng; lãi trong hạn 16.080.576 đồng; lãi quá hạn 35.845.489 đồng) và đồng thời yêu cầu Công ty TNHH KG thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay theo phạm vi bảo lãnh theo Hợp đồng tín dụng số 0039/16/HĐTĐH-CN/050 ngày 31/10/2016 khi ông T, bà M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ; ngoài ra Ngân hàng yêu cầu được quyền ưu tiên phát mãi tài sản thế chấp được mô tả theo Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị phương tiện vận tải số 0039/16/HĐBĐ-SP/050 ngày 31/10/2016 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng số 0039/16/HĐBĐ-050/PL-01 để thu hồi nợ khi ông T, bà M và Công ty TNHH KG không trả nợ.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vay và tiền lãi phát sinh là có cơ sở chấp nhận, đồng thời Ngân hàng yêu cầu bên bảo lãnh Công ty TNHH KG thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay theo phạm vi cam kết đồng trả nợ ngày 31/10/2016 khi bị đơn không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, các yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ngày 14 tháng 8 năm 2019 Ngân hàng TMCP TP (HD Bank) có đơn khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị M có địa chỉ tại tổ 01, ấp Tân Đức, xã TT, huyện TT, tỉnh An Giang thanh toán số tiền vay phát sinh từ hợp đồng tín dụng số 0039/16/HĐTDTDH-CN/050 ngày 31/10/2016, yêu cầu người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH KG thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho bị đơn và yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ, yêu cầu quyền được yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị M, Công ty TNHH KG để thu hồi nợ. Đây là vụ án phát sinh trên cơ sở tranh chấp hợp đồng dân sự "Hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Theo thông báo thụ lý vụ án số 180/TB-TA ngày 02/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn đã xác định quan hệ pháp luật tranh chấp gồm: "Hợp đồng vay tài sản, hợp đồng bảo lãnh và hợp đồng thế chấp tài sản", xét thấy các quan hệ hợp đồng bảo lãnh và hợp đồng thế chấp tài sản đều nhằm mục đích đảm bảo cho việc ký kết, xác lập, thực hiện hợp đồng vay tài sản. Nay xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là: "Hợp đồng vay tài sản".

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH KG vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Ngày 31/10/2016 Ngân hàng thương mại cổ phần TP (HD Bank) có ký kết Hợp đồng tín dụng trung- dài hạn số 0039/16/HĐTDTDH-CN/050 ngày 31/10/2016 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 0039/16/HĐTDTDH-CN/050/PL-01 cho ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị M vay số tiền 460.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng, phương thức trả gốc 06 tháng/lần, trả lãi 03 tháng/lần, mục đích vay mua máy gặt đập liên hợp Yanmar AW82V, lãi suất vay trong hạn 14,5%/năm, cố định trong 03 tháng và được điều chỉnh 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn tính trên nợ gốc quá hạn.

Để đảm bảo khoản vay, ông T, bà M đã ký kết Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị vận tải số 0039/16/HĐBĐ-SP/050 ngày 31/10/2016 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 0039/16/HĐBĐ-050/PL-01 tài sản thế chấp là máy gặt đập liên hợp nhãn hiệu Yanmar AW82V, số khung C88-200303, số máy 09037A được đăng ký giao dịch bảo đảm vào lúc 08 giờ 49 phút ngày 01/11/2016 và đăng ký thay đổi biện pháp giao dịch bảo đảm vào lúc 08 giờ 36 phút ngày 31/8/2017. Đồng thời, ngày 31/10/2016 Công ty TNHH KG có ký văn bản bảo lãnh cam kết đồng trả nợ khi ông Trung, bà Mãi không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0039/16/HĐTDTDH-CN/050 ngày 31/10/2016.

Thực hiện hợp đồng, ngày 01/11/2016 nguyên đơn đã giải ngân chuyển giao cho bị đơn đầy đủ số tiền vay 460.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 0039/16/HĐTDTDH-CN/050 ngày 31/10/2016 được thể hiện qua giấy Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 01/11/2016. Xét thấy, Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp và hợp đồng bảo lãnh đều được người có quyền của các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện; hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định; mục đích, hình thức, nội dung các hợp đồng này không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, các thỏa thuận trong hợp đồng phát sinh hiệu lực và các bên có nghĩa vụ phải thực hiện.

[2.2] Về quyền yêu cầu trả nợ:

Xét thấy, trong hợp đồng tín dụng và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ, các bên có thỏa thuận vay dưới hình thức trả gốc theo kỳ hạn 2 kỳ/năm (06 tháng/kỳ), trả lãi 4 kỳ/năm (03 tháng/kỳ) vào ngày 01 hàng tháng, kỳ trả gốc đầu tiên là ngày 01/5/2017, kỳ trả lãi đầu tiên là ngày 01/02/2017. Khi đến hạn trả nợ, Ngân hàng có lập biên bản làm việc yêu cầu ông T thực hiện thanh toán nợ gốc lãi cho Ngân hàng, ông T có cam kết hai lần gồm thỏa thuận lần 1 đến ngày 30/12/2017, lần 2 đến ngày 30/7/2018 trả dứt nợ cho Ngân hàng nhưng không thực hiện đúng cam kết. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn phải thanh toán toàn bộ khoản nợ đã vay là đúng thỏa thuận trong hợp đồng.

Đối với việc Ngân hàng yêu cầu Công ty TNHH KG thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho ông T, bà M theo phạm vi bảo lãnh với số tiền tạm tính đến ngày 22/5/2020 là 313.947.947 đồng (nợ gốc: 262.021.882 đồng; lãi trong hạn 16.080.576 đồng; lãi quá hạn 35.845.489 đồng) và tiền lãi phát sinh sau này theo Hợp đồng tín dụng số 0039/16/HĐTĐH-CN/050 ngày 31/10/2016 cho đến khi thanh toán xong trong trường hợp ông T, bà M không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ.

Xét hợp đồng bảo lãnh của Công ty TNHH KG được thể hiện dưới dạng cam kết đồng trả nợ ngày 31/10/2016 tại các điểm a, b mục 1 Nghĩa vụ trả nợ thể hiện *"Nghĩa vụ trả nợ gồm toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ của bên vay/bên được cấp tín dụng với HD Bank (gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí, các khoản phải trả khác) theo các hợp đồng tín dụng, bảo lãnh, phụ lục hợp đồng, khế ước nhận nợ, các cam kết của bên vay/bên được cấp tín dụng với HD Bank; số nợ gốc tại một thời điểm không vượt quá 460.000.000 đồng*". Tại các điểm b, d, e mục 2 Trách nhiệm của bên cam kết thể hiện *"Bên cam kết đồng ý trả thay cho bên vay/bên được cấp tín dụng các khoản nợ của bên vay/bên được cấp tín dụng với HD Bank khi bên vay/bên được cấp tín dụng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ; HD Bank có quyền yêu cầu một trong hai bên- bên cam kết và bên vay/bên được cấp tín dụng hoặc cả hai bên cùng thực hiện nghĩa vụ trả nợ; Trong trường hợp nghĩa vụ trả nợ của bên vay/bên được cấp tín dụng được bảo đảm bằng nhiều biện pháp bảo đảm thì HD Bank có quyền lựa chọn bất kỳ biện pháp bảo đảm nào trong số các biện pháp bảo đảm đó để xử lý nhằm thu hồi nợ. Thứ tự yêu cầu thực hiện các biện pháp bảo đảm để thu hồi nợ do HD Bank quyết định"*.

Do đó, Ngân hàng được quyền yêu cầu Công ty TNHH KG thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay theo nội dung cam kết đồng trả nợ ngày 31/10/2016.

Đối với ý kiến của Công ty TNHH KG yêu cầu vợ chồng ông T, bà M phải có trách nhiệm trả số tiền còn nợ cho Ngân hàng, khi nào không còn tài sản để thanh lý trả nợ và mất khả năng thanh toán thì Công ty mới đồng ý trả nợ theo nội dung cam kết đồng trả nợ đã ký kết ngày 31/10/2016 là không có cơ sở chấp nhận vì đây là quyền tự định đoạt của Ngân hàng về lựa chọn thứ tự ưu tiên thực hiện nghĩa vụ trả nợ và đã được Công ty đồng ý thỏa thuận trong nội dung cam kết đồng trả nợ đã ký kết ngày 31/10/2016. Mặt khác, Công ty TNHH KG có ý kiến tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt yêu cầu nếu ông T, bà M không trả hết số nợ cho Ngân hàng thì nhờ cơ quan có thẩm quyền thanh lý tài sản thế chấp để trả nợ cho Ngân hàng, trường hợp tài sản thanh lý xong thì Công ty không còn nghĩa vụ bảo lãnh. Xét về điều kiện chấm dứt nghĩa vụ bảo lãnh theo nội dung cam kết đồng trả nợ ngày 31/10/2016 không có thỏa thuận nội dung nghĩa vụ bảo lãnh của Công ty TNHH KG mặc nhiên chấm dứt khi Ngân hàng thanh lý tài sản thế chấp của ông T, bà M để thu hồi nợ. Do đó, Công ty TNHH KG vẫn phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng HD Bank khi ông T, bà M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ.

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn còn yêu cầu nếu tài sản thế chấp không đủ thanh toán nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị M, Công ty TNHH KG để thu hồi nợ. Xét yêu cầu của Ngân hàng, mặc dù tại giấy cam kết đồng trả nợ ngày 31/10/2016 do Công ty TNHH KG ký kết thể hiện tại điểm b mục 2 Trách nhiệm của bên cam kết có nội dung: *"Trong trường hợp bên cam kết không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thay cho bên vay/bên được cấp tín dụng, Bên cam kết đồng ý vô điều kiện giao toàn bộ tài sản của mình cho HD Bank để xử lý nhằm thu hồi khoản nợ của bên vay/bên được cấp tín dụng"* nhưng xét toàn bộ nội dung giấy cam kết đồng trả nợ ngày 31/10/2016 chỉ thể hiện tính chất chung chung việc Công ty thực hiện bảo lãnh bằng hình thức tín chấp trên cơ sở uy tín, tài sản của Công ty, nhưng không thể hiện việc Công ty xác định sẽ dùng tài sản gì để bảo lãnh, không thể hiện tại thời điểm bảo lãnh Công ty có những tài sản nào và tình trạng tài sản của Công ty tại thời điểm bảo lãnh như thế nào, có phát sinh tranh chấp gì về quyền sở hữu không nhưng lại đồng ý giao cho Ngân hàng xử lý là chưa đúng, để xử lý tài sản của Công ty cần phải tuân thủ đúng trình tự quy định của pháp luật, do đó yêu cầu của Ngân hàng chưa có cơ sở chấp nhận. Mặt khác, số tiền phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bị đơn tại thời điểm xét xử là 313.947.947 đồng được bảo đảm bằng nhiều biện pháp vừa bằng nghĩa vụ của bị đơn, nghĩa vụ trả nợ thay của bên bảo lãnh và biện pháp xử lý tài sản thế chấp nên khả năng thu hồi nợ của Ngân hàng vẫn được đảm bảo. Trường hợp, khi đã thực hiện các biện pháp để thu hồi nợ nêu trên mà vẫn chưa thu hồi đủ số tiền nợ gốc và lãi, đồng thời phát sinh điều kiện cần thiết phải xử lý tài sản khác của bị đơn, của Công ty thì Ngân hàng vẫn có quyền thực hiện quyền yêu cầu của mình và được đảm bảo tại giai đoạn thi hành án.

[2.3] Về lãi suất: Các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ lãi suất vay trong hạn 14,5%/năm, cố định trong 03 tháng và được điều chỉnh 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn tính trên nợ gốc quá hạn. Việc

tính lãi theo bảng kê do Ngân hàng lập và nộp gồm tổng cộng vốn và lãi là: 313.947.947 đồng trong đó nợ gốc: 262.021.882 đồng; lãi trong hạn 16.080.576 đồng; lãi quá hạn 35.845.489 đồng) là chính xác, đúng với thỏa thuận giữa các bên nên cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng đối với số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 22/5/2020 là 313.947.947 đồng.

[2.4] Đối với tài sản thế chấp: Các bên thỏa thuận tại hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị vận tải số 0039/16/HĐBĐ-SP/050 ngày 31/10/2016 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 0039/16/HĐBĐ-050/PL-01, tài sản thế chấp là máy gặt đập liên hợp nhãn hiệu Yanmar AW82V, số khung C88-200303, số máy 09037A được đăng ký giao dịch bảo đảm vào lúc 08 giờ 49 phút ngày 01/11/2016 và đăng ký thay đổi biện pháp giao dịch bảo đảm vào lúc 08 giờ 36 phút ngày 31/8/2017.

Theo nội dung tại điểm a, i khoản 1 Điều 8 và điểm a khoản 3 Điều 8 của Hợp đồng thế chấp tài sản thể hiện *"Khi đến hạn trả nợ, kể cả trường hợp HD Bank thu hồi nợ trước hạn theo Hợp đồng này/ Hợp đồng tín dụng có liên quan mà bên thế chấp không thực hiện đúng/ đủ nghĩa vụ theo cam kết; bên thế chấp vi phạm quy định của Hợp đồng này và/hoặc Hợp đồng tín dụng có liên quan thì HD Bank được quyền xử lý tài sản thế chấp; bên thế chấp ủy quyền vô điều kiện và không hủy ngang cho HD Bank được toàn quyền tự mình hoặc ủy quyền lại cho bên thứ ba theo chỉ định của HD Bank thực hiện việc bán tài sản thế chấp theo các hình thức (bán trực tiếp, bán đấu giá, các hình thức khác) HD Bank được quyền thay mặt bên thế chấp lập, ký tên trên hợp đồng, các giấy tờ, tài liệu chuyển quyền sở hữu tài sản thế chấp và quyết định các vấn đề khác có liên quan đến việc xử lý tài sản thế chấp"*.

Xét hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị vận tải số 0039/16/HĐBĐ-SP/050 ngày 31/10/2016 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 0039/16/HĐBĐ-050/PL-01. Hợp đồng này, được lập thành văn bản ký kết trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, được công chứng hợp lệ và thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo đúng quy định tại Điều 320, 323, 336, 338, 342, 355 Bộ luật Dân sự 2005 nên có hiệu lực thi hành. Do đó, trường hợp bị đơn không trả nợ nguyên đơn có quyền được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp được mô tả theo Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị phương tiện vận tải số 0039/16/HĐBĐ-SP/050 ngày 31/10/2016 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng số 0039/16/HĐBĐ-050/PL-01 để thu hồi nợ là có căn cứ.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền được tính đến ngày 22/5/2020 như sau:

+ Về tiền nợ gốc: 262.021.882 đồng;

+ Về tiền nợ lãi trong hạn: 16.080.576 đồng;

+ Về tiền nợ lãi quá hạn: 35.845.489 đồng;

Tổng cộng vốn lãi là: 313.947.947 đồng (ba trăm mười ba triệu, chín trăm bốn mươi bảy ngàn, chín trăm bốn mươi bảy đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số trung- dài hạn số 0039/16/HĐTDTDH-CN/050 ngày 31/10/2016 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 0039/16/HĐTDTDH-CN/050/PL-01 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP TP (HD Bank) với ông Nguyễn Văn T , bà Lê Thị M.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bị đơn không trả nợ hoặc trả không đầy đủ các khoản nợ của Hợp đồng tín dụng 0039/16/HĐTDTDH-CN/050 ngày 31/10/2016 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 0039/16/HĐTDTDH-CN/050/PL-01 thì Ngân hàng TMCP TP (HD Bank) được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp được mô tả theo Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị phương tiện vận tải số 0039/16/HĐBĐ-SP/050 ngày 31/10/2016 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng số 0039/16/HĐBĐ-050/PL-01 để thu hồi nợ. Tài sản phát mãi là máy gặt đập liên hợp nhãn hiệu Yanmar AW82V, số khung C88-200303, số máy 09037A.

Sau khi phát mãi tài sản thế chấp, trừ tất cả các chi phí cho việc thi hành án, trừ toàn bộ số nợ gốc và lãi của nguyên đơn, nếu còn dư số tiền dư sẽ được trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản không đủ để thanh toán nợ cho nguyên đơn thì bị đơn phải có trách nhiệm tiếp tục trả nợ cho nguyên đơn đến khi thanh toán xong nợ gốc và lãi.

Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Công ty TNHH Thời Hưng KG phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Ngân hàng TMCP TP (HD Bank) theo nội dung cam kết đồng trả nợ ngày 31/10/2016 và được quyền yêu cầu bị đơn hoàn trả lại số tiền đã thực hiện nghĩa vụ với Ngân hàng TMCP TP (HD Bank).

Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP TP (HD Bank) về việc yêu cầu quyền được yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị M, Công ty TNHH KG để thu hồi nợ. Trường hợp, khi đã thực hiện các biện pháp để thu hồi nợ nêu trên mà vẫn chưa thu hồi đủ số tiền nợ gốc và lãi, đồng thời phát sinh điều kiện cần thiết phải xử lý tài sản khác của bị đơn, của Công ty thì Ngân hàng vẫn có quyền thực hiện quyền yêu cầu của mình và được đảm bảo tại giai đoạn thi hành án.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 320, 323, 336, 338, 342, 355, 361, 363, 367, 471, 474 Bộ luật Dân sự 2005;

Khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92 Luật các tổ chức tín dụng;

Khoản 1 Điều 8, điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP TP (HD Bank) đối với ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị M.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị M phải trả cho Ngân hàng TMCP TP (HD Bank) số tiền là 313.947.947 đồng (ba trăm mười ba triệu, chín trăm bốn mươi bảy ngàn, chín trăm bốn mươi bảy đồng), trong đó vốn gốc là 262.021.882 đồng, tiền lãi là 51.926.065 đồng.

Kể từ tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số trung- dài hạn số 0039/16/HĐTDTDH-CN/050 ngày 31/10/2016 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 0039/16/HĐTDTDH-CN/050/PL-01 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP TP (HD Bank) với ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị M.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bị đơn không trả nợ hoặc trả không đầy đủ các khoản nợ của Hợp đồng tín dụng 0039/16/HĐTDTDH-CN/050 ngày 31/10/2016 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 0039/16/HĐTDTDH-CN/050/PL-01 thì Ngân hàng TMCP TP (HD Bank) được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp được mô tả theo Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị phương tiện vận tải số 0039/16/HĐBĐ-SP/050 ngày 31/10/2016 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng số 0039/16/HĐBĐ-050/PL-01 để thu hồi nợ. Tài sản phát mãi là máy gặt đập liên hợp nhãn hiệu Yanmar AW82V, số khung C88-200303, số máy 09037A.

Sau khi phát mãi tài sản thế chấp trừ tất cả các chi phí cho việc thi hành án, trừ toàn bộ số nợ gốc và lãi của nguyên đơn, nếu còn dư số tiền dư sẽ được trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản không đủ để thanh toán nợ cho nguyên đơn thì bị đơn phải có trách nhiệm tiếp tục trả nợ cho nguyên đơn đến khi thanh toán xong nợ gốc và lãi.

Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Công ty TNHH KG phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Ngân hàng TMCP TP (HD Bank) theo nội dung cam kết đồng trả nợ ngày 31/10/2016 và được quyền yêu cầu bị đơn hoàn trả lại số tiền đã thực hiện nghĩa vụ với Ngân hàng TMCP TP (HD Bank).

Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP TP (HD Bank) về việc yêu cầu quyền được yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị M, Công ty TNHH KG để thu hồi nợ. Trường hợp, khi đã thực hiện các biện pháp để thu hồi nợ nêu trên mà vẫn chưa thu hồi đủ số tiền nợ gốc và lãi, đồng thời phát sinh điều kiện cần thiết phải xử

lý tài sản khác của bị đơn, của Công ty thì Ngân hàng vẫn có quyền thực hiện quyền yêu cầu của mình và được đảm bảo tại giai đoạn thi hành án.

2. Về án phí:

Trả lại cho Ngân hàng TMCP TP (HD Bank) số tiền 6.964.000 đồng (sáu triệu chín trăm sáu mươi bốn ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0012206 ngày 01/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị Mphải chịu 15.697.000 đồng (mười lăm triệu, sáu trăm chín mươi bảy ngàn đồng) (đã làm tròn) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tri Tôn;
- THADS huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Hừng